TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 6/6/2019
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Hoàng

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLST- HNGĐ, ngày 25/03/2019 về *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/QĐXXST- HNGĐ ngày 9/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1976;

Địa chỉ ĐKTT: Khu phố 5, Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Chỗ ở hiện nay: Số 501/2A, đường Đinh Công Tráng, Khóm 3, Phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 545, ấp An Hòa Nhất, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/03/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không tổ chức cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Thời gian

chung sống, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được 10 năm, do vợ chồng thiếu nợ nên chị đi làm ở Sài Gòn còn anh S ở nhà với con. Vì cuộc sống xa nhau nên chị và anh S đã không còn tình cảm với nhau, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Hiện nay, tình cảm giữa chị và anh S không còn nên chị xin ly hôn với anh S.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Tài sinh ngày 19/07/1998 (đã chết năm 2002) và Nguyễn Minh Tsinh ngày 25/12/2003. Chị P giao Minh Tcho anh S nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung, nợ chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/03/0219 bị đơn anh Nguyễn Minh S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Thống nhất như chị P trình bày, anh và chị P do quen biết và tìm nhau khoảng 02 năm sau đó có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, trước khi chung sống anh chị không tổ chức cưới. Khi chung sống với nhau do anh chị cùng sống ở Sài Gòn còn quê chị P ở xa, cũng thời gian đó anh chị làm ăn thất bại gặp khó khăn về kinh tế nên anh chị đã không đăng ký kết hôn.

Thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do điều kiện kinh tế khó khăn nhưng chị P thường hay về quê ở Quảng Nam, mỗi lần về quê phải mượn tiền của người khác vì vậy vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2011 cho đến nay.

Do anh S không còn tình cảm với chị P nên chị P xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung:* thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Minh Tài sinh ngày 19/07/1998 (đã chết năm 2002) và Nguyễn Minh T sinh ngày 25/12/2003. Anh S đồng ý tiếp tục nuôi Nguyễn Minh Tsau khi ly hôn, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con (con hiện anh S đang nuôi).

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân

và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và Nguyễn Minh S. Về con chung: áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Minh S: Anh S được quyền nuôi con chung là Nguyễn Minh Thái, sinh ngày 25/12/2003 khi ly hôn, chị P không cấp dưỡng nuôi con do anh S không yêu cầu. Về nợ chung, tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa chị P với anh S là tranh chấp hôn nhân và gia đình về không công nhận quan hệ vợ chồng qui định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S có hộ khẩu thường trú tại xã Tân Bình, huyện Châu Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Minh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Minh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 không có đăng ký kết hôn. Khi luật hôn nhân gia đình năm 2000 có hiệu lực, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/ NQ- QH 10 ngày 9/6/2000 có quy định:

"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 1 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định...thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm...Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật khôngcông nhận họ là vợ chồng".

Tại Khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định:

" *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…*"

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…*"

Xét thấy, chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Minh S là người có đủ điều kiện kết hôn theo qui định pháp luật, trong quá trình chung sống anh chị phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Tuy nhiên, chị P và anh S đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát

sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong thời gian chung sống, giữa chị P và anh S đã phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2011, trong khoảng thời gian sống ly thân anh chị cũng không thể hàn gắn tình cảm được; như vậy, mâu thuẫn của chị P và anh S đã thực sự trầm trọng. Tại phiên tòa, chị P xác định không còn tình cảm với anh S nên có yêu cầu xin ly hôn với anh S. Tại biên bản ghi lời khai, anh S cũng xác định không còn tình cảm với chị P nên việc chị P xin ly hôn anh cũng đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Minh S.

[3] Về con chung: Chị P giao Minh Tcho anh S nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/03/2019, anh S cũng đồng ý nuôi dưỡng Minh Thái, anh S không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi chị P và anh S sống ly thân thì cháu Tsinh sống cùng anh S. Cuộc sống của cháu đã ổn định, cháu Tcó nguyện vọng được ở với anh S. Do vậy, nên giao cháu Nguyễn Minh Tcho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị P và anh S xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Minh S.

2. *Về con chung*: giao cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 25/12/2003 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị P không cấp dưỡng nuôi con (anh S đang nuôi con).

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị P và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp ngày 25/03/2019 theo biên lai số 00059232 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị P phải nộp.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan